**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ M**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày: 14/5/2019.
*V/v tranh chấp:"Hợp đồng góp hụi"*

# NHÂN DANH

# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

# TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M – TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Lệ Thương.**
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông **Từ Ngọc Viễn.**
2. Bà **Lê Thị Thu Yến.**

*Thư ký phiên tòa* ông **Nguyễn Văn Trạng** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa có: Ông **Tống Việt Nhân** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Toà án nhân dân thành phố M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 33/2019/TLST-DS ngày 22/01/2019 về vụ án tranh chấp "Hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-DS ngày 21/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1973 (Có mặt).

- HKTT: Số 112/3B, Trần Hưng Đạo, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Địa chỉ liên lạc: Số 114/4, Trần Hưng Đạo, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Bà **Đặng Tuyết X**, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 37/10 Lý Thường Kiệt, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày**:

Bà là chủ hụi, bà Đặng Tuyết X là hụi viên, bà X tham gia dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 21 phần, khui ngày 14/5/2017 nhằm ngày 19/4/2017 âm lịch, kết thúc ngày 25/12/2018 nhằm 19/01/2018 âm lịch, bà X tham gia 02 phần. Ngày 13/7/2017 (19/5/2017 âm lịch) bà X hốt một phần ở lần khui thứ hai số tiền 27.500.000 đồng (có Biên nhận hốt hụi ngày 19/5/2017 âm lịch), bà X có đóng hai phần (01 phần hụi sống và 01 phần hụi chết) đến ngày 09/9/2017 (19/7/2017 âm lịch) thì ngưng không đóng, còn lại 16 phần bà phải đóng thay cho bà X đến mãn hụi là 16 phần x 2.000.000 đồng/tháng = 32.000.000 đồng.

- Đối với 01 phần hụi sống còn lại bà X đóng được 5 tháng từ ngày 14/5/2017 (19/4/2017 âm lịch) đến ngày 09/9/2017 (1972017 âm lịch, nhuần 2 tháng 6), bà X đóng 5 tháng, cụ thể:

+ Tháng 5 số tiền 1.500.000 đồng;
+ Tháng 6 số tiền 1.500.000 đồng,
+ Tháng 7 số tiền 1.560.000 đồng;
+ Tháng 8 số tiền 1.550.000 đồng;
+ Tháng 9 số tiền 1.550.000 đồng.

Bà đồng ý cấn trừ số tiền phần hụi sống mà bà X đã nộp như sau: 7.660.000 đồng - 32.000.000 đồng 24.340.000 đồng.

Nay hụi đã mãn, bà yêu cầu bà Đặng Tuyết X phải trả số tiền hụi 24.340.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 25/12/2018 (19/11/2018 âm lịch) đến ngày Tòa án xét xử, trả một lần ngày khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Đặng Tuyết X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà X không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Tại phiên tòa hôm nay bà X vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa Thẩm phán thực hiện đúng quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định, nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Đặng Tuyết X là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Đặng Tuyết X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Tại phiên tòa hôm nay bà N thay đổi yêu cầu do tính nhầm đối với phần hụi sống bà X đã đóng vào tháng 6/2017 số tiền là 1.660.000 đồng chứ không phải 1.500.000 đồng như trong đơn khởi kiện, nên chỉ yêu cầu bà X phải trả số tiền hụi sau khi đã cấn trừ là 24.240.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên; trả một lần ngày khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết N Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy giao kèo chơi hụi ngày 19/4/2017 âm lịch và Biên nhận hốt hụi ngày 19/5/2017 âm lịch, tại biên nhận hốt hụi ngày 19/5/2017 âm có chữ ký và họ tên của bà Đặng Tuyết X, thể hiện bà X có chơi 02 phần hụi do bà N làm chủ. Đồng thời tại Biên nhận hốt hụi ngày 19/5/2017 âm lịch còn thể hiện việc bà X có nhận hụi số tiền 27.900.000 đồng.

Đối với phía bà Đặng Tuyết X đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gởi cho Tòa án. Cho thấy, bà X đã biết được số tiền nợ hụi mà bà Nn đã khởi kiện để yêu cầu bà X phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn bà X đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền hụi đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn hay không, đều này cũng đồng nghĩa là bà X đã thừa nhận số tiền nợ hụi mà bà N đã khởi kiện yêu cầu bà X trả, nên không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh. Việc bà X cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía bà N. Đối với bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà N và phía bà N yêu cầu phía bị đơn trả số tiền 24.240.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi phía bà N đã rút là có lợi cho phía bà X. Cho nên cần buộc bà X phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ hụi là 24.3240.000 đồng và trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 17, 19, 21, 22, 24, 26, 27, 28, 29 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, nên bà X phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà N là 24.240.000 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí, nên bà X phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.212.000 đồng.

Về lãi suất chậm trả do các bên không thỏa thuận cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357, buộc bà X trả lãi suất chậm trả theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nếu bà X vi phạm nghĩa vụ thi hành án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ các Điều 17, Điều 19, Điều 21, Điều 22, Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 và Điều 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Xử:

1/ Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị Tuyết N.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N.

- Buộc bà Đặng Tuyết X có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 24.240.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Tuyết X chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí:

- Bà Đặng Tuyết X phải chịu 1.212.000 đồng. đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 608.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013698 ngày 22/01/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Đặng Tuyết X thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án vào lúc 09 giờ 10 phút cùng ngày, có mặt bà N; vắng mặt bà Đặng Tuyết X.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố M;
- Chi Cục THA dân sự TP.M;
- Các đương sự:
  + Bà Nguyễn Thị Tuyết N;
  + Bà Đặng Tuyết X;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thị Lệ Thương**